TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/HS-ST
Ngày 21 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Mạnh T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:* Bà Diệp Thị Thanh Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2023/TLST- HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Hà Văn T, sinh ngày 01/4/1994; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ Đỗ Thị T1 (đã ly hôn), con: 01 (sinh năm 2015);

- Tiền án: 02.

+ Bản án số 163/2019/HS-ST ngày 22/11/2019, Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". T chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/9/2020, đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 29/9/2020.

+ Bản án số 54/2021/HS-ST ngày 30/8/2021, Toà án nhân dân huyện LT xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". T chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/9/2022, đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án ngày 23/3/2022.

- Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ 26/10/2023 đến nay (có mặt).

- *Bị hại*: Chị Trương Thị T2, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: TDP Thái Bình, thị trấn Hoa Sơn, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 22/10/2023, Hà Văn T, sinh năm 1994 ở thôn V, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc đi xe buýt từ thị trấn T đến khu công nghiệp B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để đi làm. Khoảng 07 giờ cùng ngày, khi xe buýt đi qua đoạn đường thuộc tổ dân phố C, thị trấn H, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, T phát hiện chiếc xe mô tô BKS: 88K1 - 4646 của chị Trương Thị T, sinh năm 1987 ở tổ dân phố T, thị trấn H, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc dựng ở lề đường bên trái theo chiều đi của T (hướng thị trấn H đi xã T), chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. T xuống xe buýt, đi bộ quay lại gần vị trí chiếc xe mô tô BKS: 88K1 - 4646 rồi quan sát xung quanh không thấy có ai nên T đi đến vị trí chiếc xe mô tô trên, ngồi lên xe, mở khóa nổ máy điều khiển xe đi về phía thị trấn T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, T điều khiển xe mô tô trên đi thẳng lên thành phố T, tỉnh Bắc Ninh để bán. Khi đến khu vực chùa D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh, T gặp và bán chiếc xe cho một người không quen biết được số tiền 1.800.000đ. T đem tiền mua ma túy sử dụng rồi bắt xe khách về nhà và tiêu sài hết số tiền trên. Ngày 23/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện LT đã triệu tập T lên làm việc. Quá trình làm việc với cơ quan công an, T đã thành khẩn khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình như nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 73/KL- HĐĐG ngày 25/10/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện LT, kết luận: *Trị giá chiếc xe mô tô BKS: 88K1 - 4646 mà T đã trộm cắp của chị T ngày 22/10/2023 là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).*

Đối với người đàn ông mua chiếc xe mô tô BKS: 88K1 - 4646 của T và người đàn ông bán ma túy cho T ở khu vực thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Do T không biết tên tuổi, địa chỉ của những người này và không nhận dạng được nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

* *Về vật chứng vụ án:* Đối với chiếc xe mô tô BKS 88K1-4646. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Chị Trương Thị T yêu cầu T phải bồi thường trị giá của chiếc xe do T trộm cắp là 1.800.000 đồng. T đồng ý bồi thường cho chị T nhưng đến nay T chưa bồi thường.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Hà Văn T đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại Cáo trạng số 123/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT truy tố bị cáo Hà Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự đề nghị tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị xử phạt Hà Văn T từ 12 đến 15 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS 88K1-4646. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trương Thị T yêu cầu T phải bồi số tiền 1.800.000 đồng là tiền giá trị chiếc xe do T trộm cắp của chị T, T đồng ý, nên cần buộc T phải bồi thường cho chị T số tiền 1.800.000 đồng.

Bị hại chị Trương Thị T vắng mặt mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra đã có lời khai và yêu cầu T phải bồi thường cho chị số tiền 1.800.000 đồng là tiền giá trị chiếc xe do T trộm cắp của chị.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện LT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Hà Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 22/10/2023, tại TDP C, thị trấn H, huyện L,

tỉnh Vĩnh Phúc, Hà Văn T, sinh năm 1994 ở thôn V, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc có hành vi trộm cắp của chị Trương Thị T, sinh năm 1987 ở TDP T, TT Hoa Sơn, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc 01 xe mô tô BKS 88K1-4646 trị giá 1.800.000đ.

[3] Hà Văn T đã có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" nên lần phạm tội này đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

... b) Đã bị kết án về tội này ..., chưa được xoá án tích mà còn vi phạm".

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu và có 02 tiền án, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về các tội tàng trữ trái phép chất ma túy, trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, tiếp tục có hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử lý nghiêm trước pháp luật, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm thấy rằng cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với người đàn ông mua chiếc xe mô tô BKS: 88K1 - 4646 của T và người đàn ông bán ma túy cho T ở khu vực thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Do T không biết tên tuổi, địa chỉ của những người này và không nhận dạng được nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc xe mô tô BKS 88K1-4646. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Chị Trương Thị T yêu cầu T phải bồi thường số tiền 1.800.000 đồng là số tiền giá trị chiếc xe do T trộm cắp của chị T. T đồng ý trả cho chị T số tiền trên, nên cần buộc T phải bồi thường cho chị T số tiền 1.800.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo Hà Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hà Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 26/10/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 và 357 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Hà Văn T phải bồi thường cho chị Trương Thị T số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên người phải thi hành án không trả được thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Hà Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện LT;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện LT;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Lưu HS,VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân